

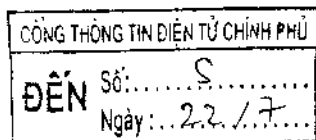
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **22** /2014/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **21** tháng **7** năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 58/TTr-STN&MT ngày 25 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Nam.

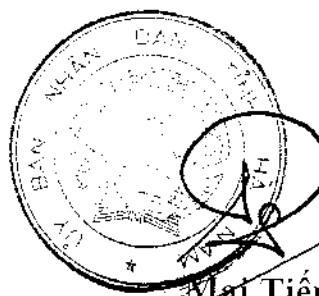
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *26*

Nơi nhận:

- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, NC, TN&MT, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Mai Tiến Dũng

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **22** /2014/QĐ-UBND

ngày **21** / **7** /2014 của UBND tỉnh Hà Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, tên gọi

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Nam là tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, giao Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp quản lý Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ (sau đây gọi là Văn phòng Quỹ).

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại trong nước.

3. Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam có tên giao dịch tiếng Anh: **Ha Nam Environment Protection Fund**, viết tắt là **HANAEPF**;

4. Trụ sở của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam đặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách Nhà nước.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam hoạt động nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

3. Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam hoạt động công khai, minh bạch và bình đẳng.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Tư vấn cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phê duyệt, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng Quỹ bảo vệ môi trường đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả.

2. Tiếp nhận tiền ký quỹ phục hồi môi trường của các dự án, đề án phải thực hiện ký quỹ phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Xác nhận đã ký quỹ cho tổ chức, cá nhân và gửi cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung, cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường địa phương.

4. Hoàn trả tiền ký quỹ và lãi suất tiền ký quỹ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

5. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật. Hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý, sử dụng, hoàn trả tiền ký quỹ.

6. Đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ký quỹ đúng hạn. Kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định về nộp tiền ký quỹ.

7. Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

8. Tổ chức thẩm định, phê duyệt mức, thời gian và hình thức hỗ trợ tài chính cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng vốn hỗ trợ đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

9. Tham gia điều phối, quản lý tài chính các chương trình, dự án bảo vệ môi trường trọng điểm theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quyết định của cấp có thẩm quyền.

10. Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.

Điều 4. Quyền hạn

1. Tổ chức cơ quan điều hành và các đơn vị nghiệp vụ hoạt động phù hợp với Điều lệ, mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các đơn vị sử dụng vốn của Quỹ trong việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường. Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam có quyền rút vốn vay, đình chỉ tài trợ, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay đối với các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước và khởi kiện các chủ đầu tư đó tới các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Sử dụng vốn nhân rồi của Quỹ để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

4. Được mời các chuyên gia của các Bộ, ngành và tổ chức liên quan tham gia Hội đồng thẩm định các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư và phục vụ cho các hoạt động khác của Quỹ.

5. Được hưởng chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của Nhà nước.

6. Từ chối mọi yêu cầu của bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam.

8. Được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo đúng quy định của pháp luật.

9. Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam được thành lập các Hội đồng tư vấn chuyên ngành để giúp thẩm định các chương trình, dự án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường được đề nghị sử dụng nguồn vốn tài trợ, hỗ trợ cho vay từ Quỹ.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 5. Cơ cấu tổ chức điều hành

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam có Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ (Văn phòng Quỹ).

2. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của mình.

Điều 6. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường có 07 (bảy) thành viên bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ là lãnh đạo các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh và đại diện các tổ chức tham gia góp vốn vào Quỹ Bảo vệ môi trường.

Trong thời gian chưa có các tổ chức tham gia góp vốn vào Quỹ Bảo vệ môi trường thì Hội đồng quản lý Quỹ có 06 (sáu) thành viên.

2. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

a) Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 3 tháng/lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản lý có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý để giải quyết những vấn đề đột xuất.

Trong một số trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể yêu cầu thành viên Hội đồng cho ý kiến bằng văn bản.

c) Cuộc họp của Hội đồng được thực hiện khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên tham dự.

d) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp số ý kiến không thống nhất có tỉ lệ bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định.

e) Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

a) Quyết định phương hướng, kế hoạch hoạt động, huy động vốn, hỗ trợ, tài chính, phê duyệt kế hoạch tài chính, báo cáo quyết toán của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát Văn phòng Quỹ, Ban kiểm soát của Quỹ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật và việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Phê duyệt các tiêu chí lựa chọn, điều kiện xét chọn các dự án, chương trình, hoạt động bảo vệ môi trường đề nghị vay vốn, tài trợ của Quỹ.

d) Định kỳ hàng năm công bố danh sách các dự án, chương trình, hoạt động bảo vệ môi trường đã được thẩm định, xét chọn theo thứ tự ưu tiên được sử dụng nguồn vốn tài trợ, hỗ trợ cho vay từ Quỹ.

e) Trình cấp có thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

f) Quyết định theo thẩm quyền việc hỗ trợ đầu tư, tài trợ, cho các chương trình, dự án, hoạt động và nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

g) Giải quyết theo quy định của pháp luật các khiếu nại của tổ chức, cá nhân vay vốn hoặc nhận hỗ trợ từ Quỹ.

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban và các thành viên của Ban Kiểm soát.

i) Sử dụng bộ máy của Văn phòng Quỹ và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 7. Ban kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

a) Ban Kiểm soát có không quá 03 thành viên.

b) Trưởng Ban do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Các thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban.

2. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

a) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước và theo Điều lệ Quỹ.

b) Kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

a) Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ và các quy định pháp luật và theo các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Xây dựng kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ và tổ chức thực hiện một cách độc lập.

c) Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ yêu cầu.

d) Xem xét và kiến nghị Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết các khiếu nại của tổ chức, cá nhân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban do Trưởng Ban ủy quyền được tham dự và được phát biểu ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không được biểu quyết.

5. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng Quy chế hoạt động của Ban và trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Điều 8. Văn phòng Quỹ

1. Văn phòng Quỹ gồm Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc, Kế toán và bộ phận giúp việc.

a) Giám đốc Văn phòng Quỹ (*Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường*) do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Phó Giám đốc Văn phòng Quỹ (*Phó Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường*) và Kế toán do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

c) Bộ phận giúp việc của Quỹ do Giám đốc Văn phòng Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán của Văn phòng Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Bộ phận giúp việc của Văn phòng Quỹ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, không sử dụng biên chế được giao của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Chế độ làm việc của Văn phòng Quỹ

Chế độ làm việc của Văn phòng Quỹ theo Quy chế làm việc.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Quỹ

a) Tổ chức các hoạt động của Văn phòng theo Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và các quy định của pháp luật.

b) Xây dựng kế hoạch thu chi tài chính của Quỹ hàng năm trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c) Báo cáo định kỳ về tình hình huy động vốn, hỗ trợ tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Đề xuất thành lập các Hội đồng tư vấn chuyên ngành trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

e) Xây dựng Quy chế làm việc của Văn phòng Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

f) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Văn phòng Quỹ theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 9. Chế độ đối với người làm việc tại Quỹ

1. Các cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Văn phòng Quỹ được hưởng các chế độ kiêm nhiệm theo quy định hiện hành.

2. Các cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của Văn phòng Quỹ được hưởng lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác quy định của pháp luật.

Điều 10. Giám đốc Văn phòng Quỹ Bảo vệ môi trường

1. Giám đốc Văn phòng Quỹ Bảo vệ môi trường là đại diện pháp nhân của Quỹ trong các quan hệ pháp lý, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

2. Giám đốc Văn phòng Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đề xuất nhân sự Phó Giám đốc Văn phòng và Kế toán trưởng của Quỹ để Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

b) Được tham gia các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ và được góp ý vào các nội dung của phiên họp.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Quỹ quy định tại khoản 3, điều 8 Điều lệ này.

Điều 11. Hội đồng tư vấn chuyên ngành

1. Các Hội đồng tư vấn chuyên ngành tư vấn cho Quỹ trong việc đánh giá, tuyển chọn các chương trình, dự án, nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường được đề nghị hỗ trợ tài chính.

2. Thành viên của Hội đồng tư vấn chuyên ngành phải có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, lĩnh vực đề nghị hỗ trợ tài chính.

3. Việc thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Văn phòng Quỹ.

4. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng tư vấn chuyên ngành được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

Chương IV **NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Vốn hoạt động

1. Vốn điều lệ

a) Vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam là 15 tỷ đồng do ngân sách tỉnh cấp và được cấp đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thành lập Quỹ.

b) Khi có yêu cầu thay đổi mức vốn điều lệ, Hội đồng quản lý Quỹ thông nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường từ các dự án, đề án phải thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Nguồn vốn bổ sung

a) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường thu vào ngân sách nhà nước.

c) Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

d) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

e) Hàng năm trích 3%-5% kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp bảo vệ môi trường của tỉnh.

f) Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nguyên tắc sử dụng vốn

Vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam phải được sử dụng đúng mục đích, không vì mục đích lợi nhuận, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí quản lý, có hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật.

Điều 14. Cân đối nguồn vốn và cấp vốn

1. Sở Tài chính bố trí và cấp phát vốn điều lệ, vốn ngân sách tỉnh trên cơ sở dự toán đã được duyệt theo các quy định của Luật Ngân sách và các quy định của pháp luật khác.

2. Các nguồn vốn bổ sung được nộp, cấp phát trực tiếp vào Quỹ.

3. Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường tự cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện kế hoạch hóa các nguồn vốn huy động.

Chương V **CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG**

Điều 15. Cơ chế hoạt động tài chính của Quỹ

1. Hoạt động tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nam được thực hiện theo các hình thức sau:

- a) Cho vay với lãi suất ưu đãi.
- b) Hỗ trợ lãi suất vay.
- c) Tài trợ và đồng tài trợ.
- d) Nhận ủy thác và ủy thác.

2. Đối tượng được hỗ trợ tài chính của Quỹ là các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án, hoạt động và nhiệm vụ bảo vệ môi trường mang tính địa phương, liên ngành, hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng phạm vi ảnh hưởng lớn thuộc các lĩnh vực phòng chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng được hỗ trợ tài chính theo các hình thức trên phải đáp ứng quy định cho từng hình thức quy định tại Điều lệ này.

Điều 16. Cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng vay vốn

Đối tượng được vay vốn từ Quỹ là các tổ chức, cá nhân có chương trình, dự án, hoạt động và nhiệm vụ bảo vệ môi trường bao gồm:

- a) Phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường.
- b) Xử lý chất thải.
- c) Bảo vệ đa dạng sinh học.

Hội đồng quản lý quyết định danh mục ưu tiên và tiêu chí lựa chọn các dự án cho vay.

2. Điều kiện vay vốn:

- a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.
- b) Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án đảm bảo trả nợ gốc và lãi vay.
- c) Cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích và chấp nhận các quy định của Quỹ Bảo vệ môi trường trong việc hoàn vốn và lãi vay đúng hạn.
- d) Có đủ hồ sơ vay vốn theo quy định của Quỹ, được Quỹ thẩm định và chấp nhận.

3. Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định cho vay

- a) Mức vốn vay của một dự án, chương trình không được vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án, chương trình.
- b) Giám đốc Văn phòng Quỹ đề xuất mức vốn vay với từng đối tượng vay để Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Thời hạn vay vốn

Thời hạn vay vốn được xác định phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng đối tượng vay vốn và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 3 năm kể cả 1 năm ân hạn.

5. Lãi suất cho vay

Lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định, ít nhất bằng 50% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm vay.

6. Bảo đảm tiền vay

Bên vay phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về đăng ký giao dịch bảo đảm.

7. Đối với các khoản nợ quá hạn

Khi hết thời hạn vay vốn, bao gồm cả thời gian ân hạn mà đối tượng vay vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì số nợ gốc và lãi vay được chuyển thành nợ quá hạn. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng.

8. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay

a) Hàng năm Quỹ Bảo vệ môi trường được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro bằng 0,25% tính trên tổng số dư nợ vay của Quỹ để xử lý các rủi ro khách quan.

b) Kinh phí dùng để trích lập Quỹ dự phòng rủi ro được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ Quỹ.

9. Xử lý rủi ro

a) Đối tượng vay vốn của Quỹ bị rủi ro bất khả kháng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận mức độ thiệt hại thì được xem xét gia hạn nợ, khoan nợ, xóa một phần hoặc xóa toàn bộ nợ vay.

b) Việc gia hạn nợ, khoan nợ do Giám đốc Văn phòng Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý xem xét quyết định. Riêng đối với việc xóa một phần hoặc toàn bộ nợ vay, Giám đốc Văn phòng Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét trình UBND tỉnh quyết định.

c) Kinh phí dùng để bù đắp rủi ro trong các trường hợp gia hạn nợ, khoan nợ và xóa nợ được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ.

Điều 17. Hỗ trợ lãi suất tiền vay

1. Quỹ quyết định danh mục và mức hỗ trợ lãi suất vay vốn cụ thể cho các dự án vay vốn đầu tư bảo vệ môi trường từ các tổ chức tín dụng.

2. Dự án được hỗ trợ lãi suất vay vốn phải là dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này.

3. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn cho dự án đầu tư bảo vệ môi trường khi vay từ các tổ chức tín dụng được quy định như đối với trường hợp tài trợ tại Điều 18 của Điều lệ này.

4. Việc hỗ trợ lãi suất vay vốn được thực hiện một lần cho mỗi dự án đầu tư bảo vệ môi trường. Việc cấp kinh phí hỗ trợ sẽ được tiến hành khi dự án đã hoàn thành, dự án được đưa vào sử dụng đạt kết quả.

5. Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn không vượt quá 20% vốn bổ sung hàng năm của Quỹ (không kể vốn điều lệ).

Điều 18. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Các dự án, chương trình thuộc đối tượng được tài trợ:

a) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường, phổ cập kiến thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

b) Huy động sự tham gia của cộng đồng vào sự nghiệp bảo vệ môi trường, khen thưởng các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhiều đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Xây dựng, thử nghiệm, phổ biến và nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường.

d) Thiết kế các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về bảo vệ môi trường.

e) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thân thiện với môi trường, sản xuất sạch hơn, các giải pháp phòng tránh, hạn chế và khắc phục sự cố môi trường.

2. Điều kiện để được tài trợ

Các dự án, chương trình quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được xem xét, tài trợ với điều kiện đối tượng đề nghị được tài trợ phải có vốn đối ứng ít nhất 50% tổng số kinh phí để thực hiện dự án, chương trình đó.

3. Thẩm quyền quyết định mức tài trợ

a) Mức tài trợ không được vượt quá 50% chi phí đầu tư cho các nội dung bảo vệ môi trường của đối tượng được tài trợ.

b) Giám đốc Quỹ đề xuất mức tài trợ đối với từng dự án, chương trình để Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Quỹ được hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đồng tài trợ tài chính cho các nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với cam kết của phía đồng tài trợ.

5. Quỹ chỉ được sử dụng tối đa 50% vốn bổ sung hàng năm để thực hiện phương thức tài trợ và đồng tài trợ.

Điều 19. Ủy thác và nhận ủy thác

1. Nhận ủy thác

a) Quỹ được nhận ủy thác cho vay, thu hồi nợ và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

b) Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác cho vay và thu hồi nợ theo Hợp đồng ủy thác.

2. Ủy thác

a) Quỹ được ủy quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực hiện cho vay và thu hồi nợ theo hợp đồng ủy thác.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác phù hợp với các quy định pháp luật.

Chương VI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 20. Cơ chế quản lý tài chính của Quỹ

1. Xây dựng kế hoạch hàng năm về việc huy động và sử dụng vốn cho hoạt động tài chính của Quỹ;

2. Lập dự toán thu, chi tài chính cho hoạt động bộ máy của Quỹ theo Điều lệ này và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 21. Chế độ tài chính

1. Năm tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm.

2. Chế độ tài chính, chế độ kế toán của Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chi phí cho hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ Bảo vệ môi trường (ngoài vốn điều lệ, ủy thác đầu tư, ký quỹ phục hồi môi trường).

Điều 22. Chế độ kiểm toán

Quỹ Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm toán nội bộ hoặc thuê kiểm toán độc lập nếu thấy cần thiết.

Điều 23. Chế độ báo cáo

Quỹ Bảo vệ môi trường lập và gửi các báo cáo nghiệp vụ, báo cáo thống kê, báo cáo kế toán và các báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định hiện hành.

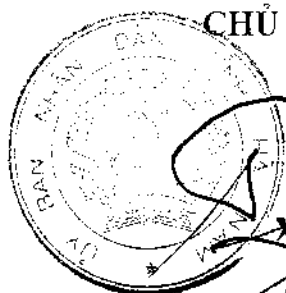
**Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Văn phòng Quỹ Bảo vệ môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường do Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. //

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Mai Tiến Dũng